

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC LÀM VIỆC

Số:

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ ...

Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế của các bên trong hợp đồng;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2018, tại ... chúng tôi gồm có:

Bên A:

Địa chỉ trụ sở: ...

Mã số doanh nghiệp: ...

Người đại diện theo pháp luật là ông/ bà: ...

Chức vụ: ...

Điện thoại: ...

Email: ...

(Trường hợp các bên là cá nhân thì được ghi như sau):

Họ và tên: ... (sau đây gọi tắt là bên ...)

Năm sinh: .../ .../ ...

Chứng minh nhân dân số ..., ngày cấp .../ .../ ..., nơi cấp: ...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ...

Chỗ ở hiện tại: ...

Điện thoại: ...

Email: ...

Bên B:.....

Địa chỉ trụ sở: ...

Mã số doanh nghiệp: ...

Người đại diện theo pháp luật là ông/ bà: ...

Chức vụ: ...

Điện thoại: ...

Email: ...

Cùng thỏa thuận và đồng ý ký kết hợp đồng hợp tác làm việc với các điều khoản như sau:

Điều 1. Mục đích hợp tác

Bên A và bên B đồng ý cùng nhau hợp tác ...

Điều 2. Thời hạn hợp tác

Thời hạn hợp tác tại Điều 1 hợp đồng này là ... tháng, kể từ ngày .../ .../ ... đến ngày ... / ... / ...

Điều 3. Công việc hợp tác

.....
.....

Điều 4. Phương thức phân chia hoa lợi, lợi tức

1. Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác chỉ được cho các thành viên khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

Lợi nhuận được chia cho thành viên: Tương ứng với công sức đóng góp; Bên A được hưởng ... %, bên B được hưởng ... % trên tổng số lợi nhuận được chia.

Thời điểm chia lợi nhuận vào ngày cuối cùng của năm tài chính. Năm tài chính được tính bắt đầu kể từ ngày .../ ... / ..., kết thúc vào ngày .../ .../ ...

2. Nguyên tắc chịu lỗ:

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ của thành viên hợp tác

- Được hưởng hoa lợi, lợi tức thu được từ hoạt động hợp tác.
- Tham gia quyết định các vấn đề liên quan đến thực hiện hợp đồng hợp tác, giám sát hoạt động hợp tác.
- Bồi thường thiệt hại cho các thành viên hợp tác khác do lỗi của mình gây ra.

- Các thành viên hợp tác chịu trách nhiệm dân sự chung bằng tài sản chung; nếu tài sản chung không đủ để thực hiện nghĩa vụ chung thì thành viên hợp tác phải chịu trách nhiệm bằng tài sản riêng theo phần tương ứng với phần đóng góp của mình.
 - Việc định đoạt tài sản là quyền sử dụng đất, nhà, xưởng sản xuất, tư liệu sản xuất khác phải có thỏa thuận bằng văn bản của tất cả các thành viên.
 - Không được phân chia tài sản chung trước khi chấm dứt hợp đồng hợp tác.
 - Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- (Các thành viên thỏa thuận việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác và ghi cụ thể vào trong hợp đồng này).

Điều 6. Điều kiện tham gia và rút khỏi hợp đồng hợp tác

1. Điều kiện tham gia: Cá nhân, pháp nhân muốn trở thành thành viên mới của hợp đồng phải được sự đồng ý ít nhất của tất cả thành viên hợp tác.
2. Thành viên có quyền rút khỏi hợp đồng hợp tác trong trường hợp sau đây:
 - Theo thỏa thuận của các thành viên hợp tác (Các thành viên hợp tác thỏa thuận cụ thể các điều kiện rút khỏi hợp đồng hợp tác và ghi vào trong hợp đồng hợp tác này).
 - Có lý do chính đáng và được sự đồng ý của tất cả thành viên hợp tác.
3. Thành viên rút khỏi hợp đồng hợp tác có quyền yêu cầu nhận lại tài sản đã đóng góp, được chia phần tài sản trong khối tài sản chung và phải thanh toán các nghĩa vụ theo thỏa thuận. Trường hợp việc phân chia tài sản bằng hiện vật làm ảnh hưởng đến hoạt động hợp tác thì tài sản được tính giá trị thành tiền để chia. Việc rút khỏi hợp đồng hợp tác không làm chấm dứt quyền, nghĩa vụ của người này được xác lập, thực hiện trước thời điểm rút khỏi hợp đồng hợp tác.

Điều 7. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Bồi thường thiệt hại: Bên vi phạm nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho bên bị vi phạm (nếu có).

Điều 8. Phương thức giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phát sinh cần giải quyết, thì bên A và bên B tiến hành thỏa thuận và thống nhất giải quyết kịp thời, hợp tình và hợp lý. Trường hợp bên A và bên B không thỏa thuận được thì một trong các bên có quyền khởi kiện tại tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chi phí khác

Chi phí thực hiện các thủ tục liên quan đến hợp đồng hợp tác tại cơ quan có thẩm quyền do chịu trách nhiệm thực hiện thanh toán theo quy định của pháp luật.

Lệ phí công chứng, chứng thực hợp đồng này do chịu trách nhiệm thực hiện thanh toán theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 10. Cam đoan của các bên

Các bên cam đoan:

- Thông tin về nhân thân, thừa đất ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;
- Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận ghi trong hợp đồng này.

Điều 11. Điều kiện chấm dứt hợp tác

1. Hợp đồng hợp tác chấm dứt trong trường hợp sau đây:

-
-
-

2. Khi chấm dứt hợp đồng hợp tác, các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng phải được thanh toán; nếu tài sản chung không đủ để trả nợ thì phải lấy tài sản riêng của các thành viên hợp tác để thanh toán. Trường hợp các khoản nợ đã được thanh toán xong mà tài sản chung vẫn còn thì được chia cho các thành viên hợp tác theo tỷ lệ tương ứng với phần đóng góp của mỗi người.

Điều 12. Các thỏa thuận khác

Bên A và bên B đồng ý đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này.

Bên A và bên B đồng ý thực hiện theo đúng các điều khoản trong hợp đồng này và không nêu thêm điều kiện gì khác.

Hợp đồng này được lập thành ... bản, mỗi bản gồm ... trang, có giá trị pháp lý như nhau và được giao cho bên A ... bản, bên B ... bản./.

CÔNG TY TNHH - BÊN B

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

CÔNG TY CỔ PHẦN - BÊN A

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

...

...